

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 860/2022/KDTM-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Thanh Dung.

2/ Ông Lê Phú Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 0085/2022/TLST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2022/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trụ sở: 54 đường B, phường C, quận D, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi làm việc: Tầng 1 Tòa nhà T, số 180 – 192 đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 9020/2021/UQ-TGH12 ngày 21/12/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K.

Trụ sở: 28/10/4 đường G, Phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Hữu Thu H, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 28/10/4 đường G, Phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phạm Văn T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/8/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh C (gọi tắt là S) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (gọi tắt là K) có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 80/2018/HĐTD, Phụ lục kèm theo hợp đồng số 01 và 02 ngày 17/8/2018. Hạn mức tín dụng là 1.900.000.000 đồng. Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống, suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống khác. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 13/8/2018.

Ngày 02/10/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh C (gọi tắt là S) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (gọi tắt là K) có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0210/2019/HĐTD-LM và Phụ lục kèm theo hợp đồng số 01 và 02 ngày 02/10/2019. Hạn mức tín dụng là 2.500.000.000 đồng. Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống, suất ăn công nghiệp. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 01/10/2019.

Lãi suất cho vay của hai Hợp đồng tín dụng hạn mức trên được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại các Giấy nhận nợ.

Trong quá trình sử dụng tiền vay, K có thanh toán một phần nợ vay. Sau đó K không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho S theo như thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng hạn mức, Phụ lục hợp đồng và các Giấy nhận nợ đã ký kết dù S đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ. Hiện nay các khoản nợ vay của K đã quá hạn và đã chuyển nhóm nợ xấu. Tạm tính đến ngày 30/9/2022, K còn nợ S số tiền 2.932.387.774 đồng, cụ thể như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số: 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018:

- Gốc: 182.574.037 đồng;

- Lãi trong hạn: 81.325.412 đồng;

- Lãi quá hạn: 37.461.428 đồng;

Tổng: 301.360.877 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019:

- Gốc: 1.653.120.177 đồng;

- Lãi trong hạn: 668.369.750 đồng;

- Lãi quá hạn: 309.536.970 đồng;

Tổng: 2.631.026.897 đồng.

Tổng cộng: (1) + (2) = 2.932.387.774 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết của K là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nợ và gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của S. Do đó, S đề nghị Tòa án buộc K phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 2.932.387.774 đồng. Trong đó gốc là 1.835.694.214 đồng, lãi trong hạn 749.695.162 đồng, lãi quá hạn là 346.998.398 đồng. Ngoài ra, K còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng hạn mức, Phụ lục hợp đồng và các Giấy nhận nợ đã ký kết.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

S khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn K có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 80/2018/HĐTD ngày 17/08/2018 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019 được ký kết giữa S và K. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa S và K trong hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, do đó có cơ sở xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc vắng mặt của bị đơn K:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn K vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn K vẫn vắng mặt. Vì vậy, K đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng

xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn S cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn K.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018 nợ gốc là 182.574.037 đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019 nợ gốc là 1.653.120.177 đồng.

S giải ngân toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) nhiều lần vì mục đích thanh toán tiền hàng, sau khi bị đơn K đã nhận đủ số tiền vay và ký xác nhận vào Giấy nhận nợ. Nội dung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018; Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019 và các Phụ lục hợp đồng đính kèm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn K vi phạm các quy định trong hợp đồng tín dụng và đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn S. Do đó, có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn K thanh toán nợ gốc là 182.574.037 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018 và 1.653.120.177 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019, theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 1.096.693.560 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến ngày thanh toán xong toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019.

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018, lãi trong hạn là 81.325.412 đồng và lãi quá hạn là 37.461.428 đồng; Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019, lãi trong hạn là 668.369.750 đồng và lãi quá hạn là 309.536.970 đồng.

Do bị đơn K không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán dù cho nguyên đơn S đã nhiều lần yêu cầu, hiện nay các khoản nợ vay đã quá hạn và đã chuyển nhóm nợ xấu. Căn cứ vào các thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng hạn mức, Phụ lục hợp đồng đính kèm và các Giấy nhận nợ đã ký kết giữa S và K, việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017), do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn S.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.
- S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 2.932.387.774 (hai tỷ chín trăm ba mươi hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng), cụ thể:

(1) Hợp đồng tín dụng số: 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018:

- Gốc: 182.574.037 (một trăm tám mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm ba mươi bảy đồng);

- Lãi trong hạn: 81.325.412 (tám mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm mười hai đồng);

- Lãi quá hạn: 37.461.428 (ba mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng);

Tổng: 301.360.877 (ba trăm lẻ một triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019:

- Gốc: 1.653.120.177 (một tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng);

- Lãi trong hạn: 668.369.750 (sáu trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng);

- Lãi quá hạn: 309.536.970 (ba trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng);

Tổng: 2.631.026.897 (hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu không trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng).

Tổng cộng: (1) + (2) = 2.932.387.774 (hai tỷ chín trăm ba mươi hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 90.647.755 (chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 41.867.000 (bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029179 ngày 28/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 80/2018/HĐTD ngày 17/8/2018, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0210/2019/HĐTD-LM ngày 02/10/2019, các Phụ lục hợp đồng đính kèm và các Giấy nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh